

# NÂNG CAO KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN THÔNG QUA PHIM CÓ PHỤ ĐỀ TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI

*Dương Thị Hồng Thắm<sup>1</sup>*

*Email: thamduong31@tmu.edu.vn; ORCID: 0009-0001-5301-9931*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 07/01/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/01/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1117

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh bùng nổ công nghệ số, giáo dục ngôn ngữ ngày càng chú trọng khai thác các công cụ đa phương tiện nhằm nâng cao hiệu quả học tập. Nghiên cứu này điều tra vai trò của phụ đề tiếng Anh trong việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên tại một trường đại học ở Hà Nội. Sử dụng thiết kế bán thực nghiệm với 70 sinh viên (35 nhóm thực nghiệm, 35 nhóm đối chứng) trong học kỳ II năm học 2024-2025, nghiên cứu chứng minh hiệu quả rõ rệt của việc tích hợp phim có phụ đề tiếng Anh trong dạy học kỹ năng nói. Kết quả cho thấy nhóm thực nghiệm đạt điểm hậu kiểm tra vượt trội so với nhóm đối chứng ( $M = 7,85$  so với  $M = 6,53$ ). Phụ đề tiếng Anh hỗ trợ hiệu quả việc ghi nhớ ngôn ngữ, cải thiện phát âm, giúp làm quen với giọng địa phương và nâng cao sự tự tin khi nói. Tuy nhiên, sinh viên cũng gặp khó khăn về vốn từ vựng và hiểu biết văn hóa. Nghiên cứu đóng góp thêm bằng chứng thực nghiệm vào lĩnh vực dạy học tiếng Anh có hỗ trợ công nghệ trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, đồng thời đề xuất các hàm ý sư phạm thiết thực cho giáo viên tiếng Anh không chuyên.

**Từ khóa:** kỹ năng nói tiếng Anh, phim có phụ đề, sinh viên không chuyên, thiết kế bán thực nghiệm

## I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và bùng nổ công nghệ số, tiếng Anh ngày càng trở thành công cụ giao tiếp không thể thiếu trong học thuật, nghề nghiệp và đời sống xã hội. Tuy nhiên, theo Cheng và Warren (2005), sinh viên đại học tại các quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam, thường gặp khó khăn đặc biệt với kỹ năng nói do thiếu môi trường thực hành ngôn

ngữ đích và hạn chế về đầu vào ngôn ngữ xác thực (authentic input). Bên cạnh đó, nghiên cứu của Dörnyei (2001) đã chỉ ra rằng động lực học tập và sự tự tin khi sử dụng ngôn ngữ là hai yếu tố then chốt ảnh hưởng đến kết quả học kỹ năng nói của người học ngoại ngữ. Đây là những thách thức phổ biến được ghi nhận tại các trường đại học không chuyên ngữ ở Việt Nam (Nguyen, 2011).

<sup>1</sup> Trường Đại học Thương mại

Trong những năm gần đây, việc sử dụng phim tiếng Anh có phụ đề được nghiên cứu như một giải pháp hiệu quả nhờ cung cấp ngữ liệu xác thực và kết hợp nhiều kênh tiếp nhận thông tin (Danan, 2004; Mayer, 2014). Các nghiên cứu quốc tế ghi nhận tác động tích cực đối với kỹ năng nghe hiểu (Hayati & Mohmedi, 2011), động lực học tập (Wang, 2015) và khả năng giao tiếp (Liando & cộng sự, 2018). Tuy nhiên, nghiên cứu bán thực nghiệm về vai trò của phụ đề tiếng Anh với kỹ năng nói theo rubric cụ thể trong bối cảnh đại học Việt Nam vẫn còn hạn chế.

Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm trả lời hai câu hỏi nghiên cứu chính: (1) Sinh viên không chuyên nhận thức như thế nào về việc sử dụng phim tiếng Anh có phụ đề trong việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của họ? và (2) Việc xem phim tiếng Anh có phụ đề có thực sự cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên hay không? Nghiên cứu đóng góp vào kho tàng bằng chứng thực nghiệm về dạy học ngoại ngữ có hỗ trợ công nghệ trong bối cảnh Việt Nam, đồng thời cung cấp các hàm ý thực tiễn cho giáo viên tiếng Anh không chuyên ở bậc đại học.

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Phụ đề tiếng Anh

Theo Gambier và Rampazzo (2015), phụ đề là dạng văn bản được trình chiếu đồng bộ với âm thanh của video, giúp chuyển tải nội dung lời thoại và các yếu tố âm thanh khác dưới dạng chữ viết. Phụ đề được phân loại thành ba loại chính: (1) Phụ đề đơn ngữ (intralingual subtitles) - sử dụng ngôn ngữ trùng với âm thanh nguồn (ví dụ: âm thanh tiếng Anh kết hợp phụ đề tiếng Anh, thường

dùng cho người học tiếng Anh ở trình độ trung cấp trở lên hoặc người khiếm thính); (2) Phụ đề liên ngữ (interlingual subtitles) - chuyển đổi sang tiếng mẹ đẻ của người học (ví dụ: âm thanh tiếng Anh kết hợp phụ đề tiếng Việt, thường phù hợp với người học trình độ sơ cấp); và (3) Phụ đề kép (bilingual subtitles) - kết hợp đồng thời cả hai ngôn ngữ trên cùng màn hình (ví dụ: phụ đề tiếng Anh ở dòng trên và tiếng Việt ở dòng dưới). Nghiên cứu này sử dụng phụ đề đơn ngữ tiếng Anh (L2 subtitles) vì đây được xem là loại phụ đề phù hợp nhất để hỗ trợ kỹ năng nói cho người học trình độ trung cấp (Montero Perez & cộng sự, 2013).

### 2.2. Kỹ năng nói tiếng Anh

Trong phạm vi nghiên cứu này, kỹ năng nói tiếng Anh được hiểu theo quan điểm của Bygate (1987) là khả năng tạo lập các tín hiệu ngôn ngữ có mục đích để đạt được sự phản hồi mong muốn từ đối phương trong giao tiếp. Burns và Joyce (1997) mở rộng định nghĩa này khi cho rằng kỹ năng nói bao gồm cả quá trình sản xuất, tiếp nhận và xử lý thông tin trong bối cảnh tương tác. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này đánh giá kỹ năng nói qua năm tiêu chí: phát âm và ngữ điệu, vốn từ vựng, ngữ pháp, tính lưu loát và khả năng tương tác giao tiếp (được mô tả chi tiết trong rubric đánh giá tại mục 3.2).

### 2.3. Cơ sở lý thuyết về mối quan hệ giữa phụ đề và kỹ năng nói

Mối liên hệ giữa phụ đề tiếng Anh và cải thiện kỹ năng nói được lý giải qua hai lý thuyết chính. Lý thuyết mã hóa kép của Paivio (1986) cho rằng con người ghi nhớ thông tin tốt hơn khi nhận thông tin từ nhiều kênh (ngôn ngữ và hình ảnh). Khi xem phim có phụ đề, người học đồng thời tiếp nhận qua ba kênh: nghe, đọc và xem,

tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi nhớ từ vựng và cấu trúc câu. Lý thuyết học tập đa phương tiện của Mayer (2014) bổ sung rằng việc kết hợp văn bản, hình ảnh và âm thanh giúp giảm tải nhận thức và tăng hiệu quả học tập, đặc biệt với kỹ năng nói khi người học có thể quan sát đồng thời phát âm, cách viết từ và bối cảnh giao tiếp.

#### 2.4. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trên thế giới, Markham và cộng sự (2001) chứng minh sinh viên đạt điểm nghe hiểu cao hơn đáng kể khi xem video có phụ đề. Hayati và Mohmedi (2011) xác nhận phụ đề L2 hiệu quả hơn phụ đề tiếng mẹ đẻ. Wang (2015) và Raniah (2016) ghi nhận tác động tích cực đối với động lực và thái độ học tập. Liando và cộng sự (2018) phát hiện xem phim tiếng Anh cải thiện cả kỹ năng giao tiếp lẫn nghe.

Tại Việt Nam, nghiên cứu của Tran và Nguyen (2018) chứng minh hiệu quả của mô hình lớp học đảo ngược trong việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên, mở đường cho việc áp dụng các công nghệ giáo dục mới. Đặc biệt, Bùi (2020) tại Đại học Nông Lâm Thái Nguyên đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm với 67 sinh viên không chuyên: nhóm thực nghiệm (32 sinh viên) đạt điểm hậu kiểm tra cao hơn đáng kể so với nhóm đối chứng (35 sinh viên), và sinh viên thể hiện thái độ tích cực với các buổi học giao tiếp qua phim.

Tuy nhiên, qua tổng quan tài liệu, có thể nhận thấy một số khoảng trống nghiên cứu: phần lớn các nghiên cứu tại Việt Nam tập trung vào kỹ năng nghe hoặc giao tiếp nói chung, chưa có nghiên cứu bán thực nghiệm đánh giá kỹ năng nói theo rubric đa tiêu chí cụ thể trong bối cảnh sinh viên không chuyên tại Hà Nội. Nghiên cứu hiện tại nhằm lấp đầy khoảng trống này.

### III. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Bối cảnh và đối tượng tham gia

Nghiên cứu được thực hiện tại một trường đại học ở Hà Nội trong học kỳ II năm học 2024-2025 (từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2025). Đối tượng nghiên cứu là 70 sinh viên không chuyên tiếng Anh, đang học năm hai tại Viện Đào tạo Quốc tế thuộc ngành Logistics. Nhóm thực nghiệm bao gồm 18 nam (51,4%) và 17 nữ (48,6%). Về thời gian học tiếng Anh, 62,9% sinh viên đã học tiếng Anh từ 10 đến 15 năm.

Về năng lực tiếng Anh, sinh viên đã hoàn thành yêu cầu cơ sở (A2-B1 theo CEFR) và đang học học phần Tiếng Anh giao tiếp. Kết quả tiền kiểm tra cho thấy điểm kỹ năng nói của cả hai nhóm tương đương nhau ( $M = 6,53$  và  $M = 6,48$ ;  $p > 0,05$ ), và sinh viên tự đánh giá kỹ năng nói là điểm yếu nhất trong bốn kỹ năng.

#### 3.2. Can thiệp thực nghiệm

Can thiệp được thiết kế và trực tiếp triển khai bởi giáo viên phụ trách học phần (đồng thời là tác giả nghiên cứu) trong vòng 12 tuần với tổng cộng 48 tiết học, tương đương 2,4 giờ học kỹ năng nói mỗi tuần. Mỗi buổi học kéo dài 90 phút với quy trình chi tiết như sau:

**(1) Giới thiệu chủ đề và dạy trước từ khóa (10 phút):** Giáo viên giới thiệu ngắn gọn bối cảnh văn hóa của đoạn phim và dạy trước từ vựng then chốt để giảm tải nhận thức khi xem phim.

**(2) Xem phim có phụ đề tiếng Anh (20 phút):** Sinh viên xem đoạn phim dài 15-20 phút với phụ đề tiếng Anh, kết hợp ba kỹ thuật: pre-viewing (giao nhiệm vụ định hướng chú ý), while-viewing (dùng video giải thích phát âm và văn hóa) và post-viewing (nhắc lại ý chính và thực hành phát âm).

**(3) Thảo luận nhóm và phân tích mẫu câu (25 phút):** Sinh viên làm việc theo nhóm 4-5 người để thảo luận nội dung phim, phân tích mẫu câu giao tiếp và luyện phát âm các câu thoại được chọn lọc.

**(4) Thực hành tình huống giao tiếp (30 phút):** Sinh viên đóng vai trong các tình huống giao tiếp tương tự bối cảnh phim, được điều chỉnh phù hợp với chuyên ngành Logistics. Giáo viên quan sát và ghi nhận sự tiến bộ theo 5 tiêu chí trong rubric đánh giá.

**(5) Tổng kết và phản hồi (5 phút):** Giáo viên cung cấp phản hồi tổng quát về những điểm cần cải thiện và giao bài tập luyện nói tự học.

Phim được lựa chọn theo ba tiêu chí: (1) mật độ từ vựng phù hợp B1 theo CEFR (kiểm tra bằng Lextutor); (2) liên quan đến chủ đề giao tiếp trong chương trình; (3) tốc độ nói và phát âm rõ ràng. Nguồn tài liệu gồm phim ngắn giáo dục, TED Talks và các trích đoạn từ “Friends” (phần 1-2) và “The Big Bang Theory”. Nhóm đối chứng học theo chương trình thông thường với sách giáo trình và thực hành theo cặp.

Bảng 1 trình bày rubric đánh giá kỹ năng nói được sử dụng trong cả tiền kiểm tra và hậu kiểm tra:

*Bảng 1. Rubric đánh giá kỹ năng nói tiếng Anh (điểm tối đa: 10 điểm)*

Tiêu chí	0 điểm	1 điểm	2 điểm
Phát âm & ngữ điệu	Khó hiểu, lỗi phát âm nghiêm trọng	Đôi khi không rõ ràng nhưng người nghe vẫn hiểu được	Phát âm rõ ràng, ngữ điệu tự nhiên, gần giống người bản ngữ
Vốn từ vựng	Rất hạn chế, thường xuyên dừng lại tìm từ	Vốn từ vừa đủ để diễn đạt ý cơ bản	Vốn từ phong phú, sử dụng đúng ngữ cảnh
Ngữ pháp	Nhiều lỗi nghiêm trọng làm cản trở giao tiếp	Có lỗi nhỏ nhưng không ảnh hưởng đến nội dung	Sử dụng cấu trúc ngữ pháp chính xác, đa dạng
Tính lưu loát	Thường xuyên dừng lại, khó duy trì giao tiếp	Đôi khi ngập ngừng nhưng vẫn duy trì được cuộc hội thoại	Giao tiếp lưu loát, tự nhiên, không bị gián đoạn
Khả năng tương tác	Không phản hồi được câu hỏi/tình huống	Phản hồi hạn chế, cần được nhắc	Tương tác hiệu quả, chủ động trong giao tiếp

*Nguồn: Tác giả xây dựng dựa trên Cambridge Assessment English (A2-B1)*

### 3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng hai công cụ chính để thu thập dữ liệu: bài kiểm tra kỹ năng nói và bảng hỏi.

Bài kiểm tra được điều chỉnh từ bài thi nói Cambridge Assessment English (A2 cho tiền kiểm tra, B1 cho hậu kiểm tra), chấm theo rubric 5 tiêu chí (thang 0-2, tổng điểm 10). Hai giáo viên chấm chéo độc lập đạt inter-rater reliability  $r = 0,87$ .

Bảng hỏi được thiết kế trên thang đo Likert 5 điểm gồm 18 câu hỏi: (1) 7 câu về lợi ích của phụ đề tiếng Anh (Danan, 2004; Montero Perez, 2022); (2) 9 câu về thái độ học tập (Raniah, 2016; Wang, 2015); (3) 2 câu về thách thức (Montero Perez, 2022). Bảng hỏi được thử nghiệm trước với 10 sinh viên để kiểm tra độ rõ ràng.

### 3.4. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được phân tích bằng SPSS 26.0, sử dụng independent samples t-test (so sánh giữa hai nhóm) và paired samples t-test (so sánh trước-sau trong mỗi nhóm). Dữ liệu bảng hỏi được phân tích bằng thống kê mô tả (M và SD).

## IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 4.1. Lợi ích của phim phụ đề tiếng Anh

Kết quả phân tích cho thấy việc sử dụng phim tiếng Anh có phụ đề mang lại nhiều lợi ích rõ rệt cho sinh viên, đặc biệt là khả năng làm quen với giọng và phương ngữ bản địa. Bên cạnh đó, sinh viên đánh giá cao vai trò của phụ đề tiếng Anh trong việc hỗ trợ ghi nhớ ngôn ngữ và ngữ cảnh, cải thiện phát âm thông qua việc bắt chước lời thoại, cũng như nâng cao sự hứng thú và động lực tham gia các hoạt động giao tiếp.

Bảng 2. Lợi ích của phim phụ đề tiếng Anh đối với kỹ năng nói của sinh viên

Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Với phim tiếng Anh, tôi có thể học và giải trí cùng lúc	4,15	0,735
Xem phim có phụ đề tiếng Anh giúp tôi nhớ ngôn ngữ và cảnh quay dễ dàng	4,23	0,698
Phim tiếng Anh giúp tôi khám phá văn hóa và xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh	4,08	0,856
Bắt chước lời thoại trong phim cải thiện phát âm của tôi	4,18	0,792
Tôi có thể làm quen với giọng và phương ngữ bản địa qua phim tiếng Anh	4,47	0,612
Phim tiếng Anh nâng cao sự hứng thú của tôi đối với các buổi học giao tiếp	4,29	0,825
Việc sử dụng phim tiếng Anh nâng cao sự tự tin khi tôi giao tiếp	4,05	0,738

### 4.2. Thách thức khi sử dụng phim phụ đề tiếng Anh

Mặc dù nhận được nhiều đánh giá tích cực, sinh viên cũng gặp phải một số thách thức khi sử dụng phim tiếng Anh có phụ đề. Vấn đề lớn nhất là sự thiếu hụt vốn

từ vựng, khiến sinh viên khó theo dõi nội dung phim (M = 3,62; SD = 0,716). Bên cạnh đó, sự khác biệt văn hóa cũng gây khó khăn cho sinh viên trong việc hiểu ngữ cảnh và ý nghĩa của các tình huống trong phim (M = 3,71; SD = 0,751).

Bảng 3. Thách thức khi sử dụng phim phụ đề tiếng Anh

Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Vốn từ vựng của tôi không đủ để theo kịp nội dung phim	3,62	0,716
Đôi khi tôi không hiểu sự khác biệt văn hóa trong phim so với văn hóa của chúng tôi	3,71	0,751

### 4.3. So sánh kết quả kiểm tra

Bảng 4 trình bày sự khác biệt giữa bài kiểm tra đầu vào và đầu ra của nhóm thực nghiệm. Việc áp dụng xem phim tiếng Anh có phụ đề đã giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập với điểm trung

bình bài kiểm tra đầu ra cao hơn đáng kể (M = 7,85; SD = 0,568) so với điểm kiểm tra đầu vào (M = 6,53; SD = 0,845). Kết quả paired samples t-test cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ( $t = 8,24$ ;  $p < 0,001$ ).

*Bảng 4. So sánh điểm tiền kiểm tra và hậu kiểm tra của nhóm thực nghiệm*

Loại kiểm tra	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Kiểm tra đầu vào nhóm thực nghiệm	6,53	0,845
Kiểm tra đầu ra nhóm thực nghiệm	7,85	0,568

Bảng 5 so sánh kết quả hậu kiểm tra giữa hai nhóm cho thấy nhóm thực nghiệm đạt điểm cao hơn có ý nghĩa thống kê so

với nhóm đối chứng, khẳng định tác động tích cực của phụ đề tiếng Anh đối với kỹ năng nói.

*Bảng 5. So sánh kết quả hậu kiểm tra giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng*

Nhóm	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhóm đối chứng	6,42	0,512
Nhóm thực nghiệm	7,85	0,568

#### 4.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu này nhất quán với xu hướng quốc tế, đặc biệt với Wang (2015) và Raniah (2016), đồng thời lấp đầy khoảng trống đã xác định bằng cách cung cấp bằng chứng thực nghiệm từ bối cảnh sinh viên không chuyên tại Hà Nội với rubric đánh giá kỹ năng nói đa tiêu chí.

Về lợi ích, sinh viên đánh giá cao nhất khả năng làm quen với giọng và phương ngữ bản địa, nhất quán với Danan (2004). Kết quả cũng ủng hộ lý thuyết mã hóa kép (Paivio, 1986) và học tập đa phương tiện (Mayer, 2014): tiếp nhận thông tin qua nhiều kênh giúp việc ghi nhớ và học tập hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hai thách thức chính - thiếu vốn từ vựng (Montero Perez, 2022) và khó khăn văn hóa (Celce-Murcia & cộng sự, 1995) - cần được giáo viên chú ý xử lý trong quá trình giảng dạy. So với nghiên cứu của Bùi (2020), mức độ cải thiện thấp hơn đôi chút, có thể do sự khác biệt về bối cảnh và thời lượng can thiệp, nhưng nghiên cứu hiện tại sử dụng rubric chi tiết hơn, ghi nhận tiến bộ trên từng tiêu chí kỹ năng nói cụ thể.

## V. Kết luận và kiến nghị

### 5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã chứng minh rằng phim tiếng Anh có phụ đề là công cụ sư phạm hiệu

quả để cải thiện kỹ năng nói của sinh viên không chuyên, với nhóm thực nghiệm đạt kết quả vượt trội so với nhóm đối chứng. Phụ đề giúp sinh viên làm quen giọng bản địa, ghi nhớ ngôn ngữ, cải thiện phát âm và tăng sự tự tin giao tiếp. Mặc dù còn thách thức về từ vựng và văn hóa, sinh viên thể hiện thái độ tích cực với phương pháp này.

### 5.2. Kiến nghị

Căn cứ vào kết quả, tác giả kiến nghị giáo viên chọn phim phù hợp trình độ B1 theo CEFR, dạy trước từ khóa và bối cảnh văn hóa, kết hợp ba kỹ thuật pre-viewing, while-viewing và post-viewing, và tổ chức role-play sau khi xem để củng cố kiến thức.

Về phía nhà hoạch định chính sách, cần khuyến khích tích hợp đa phương tiện trong dạy tiếng Anh không chuyên, đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ và bồi dưỡng giảng viên về phương pháp khai thác phim có phụ đề.

Về hạn chế của nghiên cứu: mẫu nghiên cứu tương đối nhỏ (70 sinh viên) và giới hạn ở một ngành học cụ thể, nên cần thận trọng khi khái quát hóa kết quả. Nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng mẫu, kéo dài thời gian can thiệp và tích hợp quan sát lớp học định kỳ để theo dõi sự tiến bộ quá trình của người học.

**Tài liệu tham khảo**

- Bùi, T. K. G. (2020). Cảm nhận của sinh viên đối với việc xem các đoạn phim tiếng Anh để nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh. *TNU Journal of Science and Technology*, 225(12), 85-92. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.3387>
- Burns, A., & Joyce, H. (1997). *Focus on speaking*. National Center for English Language Teaching and Research.
- Bygate, M. (1987). *Speaking*. Oxford University Press.
- Celce-Murcia, M., Dörnyei, Z., & Thurrell, S. (1995). Communicative competence: A pedagogically motivated model with content specifications. *Issues in Applied Linguistics*, 6(2), 5-35.
- Cheng, A., & Warren, M. (2005). Peer assessment of language proficiency. *Language Testing*, 22(1), 93-121.
- Danan, M. (2004). Captioning and subtitling: Undervalued language learning strategies. *Meta: Translators' Journal*, 49(1), 67-77.
- Dörnyei, Z. (2001). *Motivational strategies in the language classroom*. Cambridge University Press.
- Gambier, Y., & Rampazzo, L. (2015). Audio visual translation in applied linguistics: Educational perspectives. In C. Angelelli & B. Baer (Eds.), *Researching translation and interpreting* (pp. 75-86). Routledge.
- Hayati, A., & Mohmedi, F. (2011). The effect of films with and without subtitles on listening comprehension of EFL learners. *British Journal of Educational Technology*, 42(1), 181-192.
- Liando, N. V. F., Sahetapy, R. J. V., & Maru, M. G. (2018). English major students' perceptions towards watching English movies in listening and speaking skills development. *Advances in Social Sciences Research Journal*, 5(6), 1-16.
- Markham, P., Peter, L. A., & McCarthy, T. J. (2001). The effects of native language vs. target language captions on foreign language students' DVD video comprehension. *Foreign Language Annals*, 34(5), 439-445.
- Mayer, R. E. (2014). *The Cambridge handbook of multimedia learning* (2nd ed.). Cambridge University Press.
- Montero Perez, M. (2022). Second or foreign language learning through watching audio-visual input and the role of on-screen text. *Language Teaching*, 55(2), 163-192.
- Montero Perez, M., Van den Noortgate, W., & Desmet, P. (2013). Captioned video for L2 listening and vocabulary learning: A meta-analysis. *System*, 41(3), 720-739.
- Nguyen, H. T. (2011). Primary English language education policy in Vietnam: Insights from implementation. *Current Issues in Language Planning*, 12(2), 225-249.
- Paivio, A. (1986). *Mental representations: A dual coding approach*. Oxford University Press.
- Raniah, H. K. (2016). Using movies in EFL classrooms: A study conducted at the English Language Institute (ELI), King Abdul-Aziz University. *English Language Teaching*, 9(3), 248-257.
- Tran, T. T. Q., & Nguyen, V. L. (2018). Flipped model for improving students' English speaking performance. *Can Tho University Journal of Science*, 54(2), 90-97.
- Wang, Z. (2015). An analysis on the use of video materials in college English teaching in China. *International Journal of English Language Teaching*, 2(1), 23-28.

# IMPROVING ENGLISH SPEAKING SKILLS OF NON-ENGLISH-MAJOR STUDENTS THROUGH ENGLISH-SUBTITLED FILMS AT A UNIVERSITY IN HANOI

*Duong Thi Hong Tham*<sup>1</sup>

**Abstract:** *Against the backdrop of the digital technology boom, language education increasingly leverages multimedia tools to enhance learning effectiveness. This study investigates the role of English subtitles in improving the speaking skills of non-English-major students at a university in Hanoi. Using a quasi-experimental design with 70 students (35 in the experimental group and 35 in the control group) during the second semester of the 2024-2025 academic year, the study demonstrates the significant effectiveness of integrating English-subtitled films into speaking instruction. Results indicate that the experimental group achieved markedly higher post-test scores than the control group ( $M = 7.85$  vs.  $M = 6.53$ ). English subtitles effectively supported language retention, improved pronunciation, familiarized students with regional accents, and enhanced speaking confidence. However, students also encountered difficulties related to limited vocabulary and cultural knowledge. The study contributes additional empirical evidence to the field of technology-assisted language teaching in Vietnamese higher education and offers practical pedagogical implications for EFL speaking instruction.*

**Keywords:** *English speaking skills, English-subtitled films, non-English-major students, quasi-experimental design*

---

<sup>1</sup> Thuongmai University